

Biến động chỉ số giá hàng hóa giai đoạn dịch bệnh Covid-19 (2020-2021)

ĐOÀN THỊ HÀ*

Do tác động của dịch bệnh kéo dài làm ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình kinh tế Việt Nam nói chung và đến từng cá nhân trong xã hội nói riêng. Sự thay đổi này tác động đến giá cả các loại hàng hóa. Trong đó, giá xăng dầu, giá gas trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới; giá gạo tăng theo giá gạo xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng vào dịp cuối năm tăng là những yếu tố làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động. Bài viết nghiên cứu thực trạng biến động chỉ số giá hàng hóa giai đoạn dịch bệnh Covid-19 (2020-2021), từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm kiểm soát CPI cũng như kiểm soát lạm phát có thể phát sinh.

THỰC TRẠNG BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ GIÁ TRONG GIAI ĐOẠN 2020-2021

Chỉ số CPI

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê (2020), quý IV/2020, CPI tăng 0,22% so với quý trước và tăng 1,38% so với quý IV/2019; trong đó: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 6,23% so với cùng kỳ năm trước; giáo dục tăng 3,82% (dịch vụ giáo dục tăng 4,17%); đồ uống và thuốc lá tăng 1,26%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,79%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,54%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,51%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,48%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 2,2%. Ba nhóm có chỉ số giá giảm so với cùng kỳ năm trước là giao thông giảm 12,82%; văn hóa, giải trí và du lịch giảm 2,28%; bưu chính viễn thông giảm 0,55%. CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là dưới 4%.

Sang năm 2021, CPI quý IV/2021 giảm 0,38% so với quý III/2021 và tăng 1,89% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó: giao thông tăng 17,66% so với cùng kỳ năm 2020; đồ uống và thuốc lá tăng 2,36%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1,19%; may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,98%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,95%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,22%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng

0,19%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,36%. Có 3 nhóm có chỉ số giá giảm so với cùng kỳ năm 2020 là: giáo dục giảm 2,91%; bưu chính viễn thông giảm 0,78%; văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,35%.

CPI bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với bình quân năm 2020, đây là mức tăng bình quân năm thấp nhất kể từ năm 2016. Theo Tổng cục Thống kê, nguyên nhân CPI bình quân năm 2021 tăng chủ yếu là do:

Một là, do giá xăng dầu trong nước tăng 31,74% so với năm trước (làm CPI chung tăng 1,14 điểm phần trăm), giá gas tăng 25,89% (làm CPI chung tăng 0,38 điểm phần trăm);

Hai là, giá gạo tăng 5,79% so với năm trước (làm CPI chung tăng 0,15 điểm phần trăm) do giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu, nhu cầu tiêu dùng gạo nếp và gạo tẻ ngon tăng trong dịp lễ, Tết và nhu cầu tích lũy của người dân trong thời gian giãn cách xã hội;

Ba là, giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 7,03% so với năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào (làm CPI chung tăng 0,14 điểm phần trăm);

Bốn là, giá dịch vụ giáo dục tăng 1,87% so với năm trước (làm CPI chung tăng 0,1 điểm phần trăm) do ảnh hưởng từ đợt tăng học phí năm học mới 2020-2021 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

Một số yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI năm 2021 là do giá các mặt hàng thực phẩm giảm

* ThS., Khoa Kế toán - Tài chính, Trường Đại học Hải Phòng

0,54% so với năm trước (làm CPI chung giảm 0,12 điểm phần trăm). Năm 2021, Chính phủ tiếp tục triển khai các gói hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn do dịch Covid-19 như gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng trong quý IV/2020, nhưng được thực hiện vào tháng 01/2021 và giảm giá điện, tiền điện cho người dân tại các địa phương thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 31/3/2020 tại kỳ hóa đơn tháng 8, 9/2021, nên giá điện sinh hoạt bình quân năm 2021 giảm 0,89% so với năm 2020 (làm CPI chung giảm 0,03 điểm phần trăm). Nhu cầu đi lại, du lịch của người dân giảm, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm giá vé máy bay giảm 21,15% so với năm trước; giá du lịch trọn gói giảm 2,32%. Các cấp, các ngành dưới sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ đã tích cực triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để ngăn chặn diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 và ổn định giá cả thị trường.

Lạm phát cơ bản tháng 12/2021 tăng 0,16% so với tháng 11/2021 tăng 0,67% so với cùng kỳ năm 2020. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2021 tăng 0,81% so với bình quân năm 2020.

Chỉ số giá vàng và USD

Bình quân giá vàng thế giới đến ngày 25/12/2021 giảm 1,8% so với tháng 11/2021, do USD và lợi suất trái phiếu Mỹ tăng theo kỳ vọng lãi suất Mỹ năm sau tăng lên. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 12/2021 tăng 0,25% so với tháng trước, tăng 1% so với tháng 12/2020 và bình quân năm 2021 tăng 8,67% so với năm trước. USD trên thị trường thế giới tăng trong bối cảnh lạm phát Mỹ tăng cao, do các nhà đầu tư có động thái rút khỏi những loại tiền tệ rủi ro hơn sau khi các ngân hàng trung ương đưa ra quyết định về việc tăng lãi suất, cũng như lo ngại khả năng lây lan của biến chủng Omicron. Trong nước, do nhu cầu mua ngoại tệ của các doanh nghiệp nhập khẩu tăng làm chỉ số giá USD tháng 12/2021 tăng 0,84% so với tháng trước, giảm 0,58% so với tháng 12/2020 và bình quân năm 2021 giảm 0,97% so với năm 2020 (Tổng cục Thống kê, 2021b).

Giá vàng thế giới giảm nhanh trong những ngày đầu tháng 12/2020 sau khi đạt đỉnh bởi thông tin vắc xin Covid-19 được nhiều quốc gia phê duyệt và Mỹ có thể sớm bổ sung gói hỗ trợ kinh tế. Tuy nhiên, giá vàng thế giới tăng trở lại sau khi Quốc hội Mỹ thống nhất về gói kích thích kinh tế 900 tỷ USD.

Chỉ số giá sản xuất

Năm 2020

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản: Bảng cho thấy, quý IV/2020, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,88% so với quý trước và tăng 7,75% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp tăng 1,01% so với quý trước và tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước; lâm nghiệp tăng 0,11% so với quý trước và giảm 0,1% so với cùng kỳ năm trước; thủy sản tăng 0,56% so với quý trước và giảm 1,63% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2020, chỉ số giá sản xuất

sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 8,24% so với năm 2019; trong đó, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp tăng 11,87%, lâm nghiệp giảm 0,19%, thủy sản giảm 1,29%.

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp: Quý IV/2020, chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp tăng 0,1% so với quý trước và giảm 0,78% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2020, chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp giảm 0,6% so với năm trước, trong đó, chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng giảm 8,76%; sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,23%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 1,32%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,65% (Bảng).

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ: Quý IV/2020, chỉ số giá sản xuất dịch vụ tăng 0,66% so với quý trước và giảm 1,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2020, chỉ số giá sản xuất dịch vụ giảm 0,73% so với năm 2019, trong đó, chỉ số giá sản xuất vận tải, kho bãi giảm 5,21%; thông tin và truyền thông giảm 3,24%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 0,8%; y tế và trợ giúp xã hội tăng 2,01%; giáo dục và đào tạo tăng 3,47% (Bảng).

Năm 2021

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản: Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, quý IV/2021, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,78% so với quý trước và tăng 0,07% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ có liên quan tăng 0,67% so với quý trước và giảm 0,74% so với cùng kỳ năm trước; lâm nghiệp và dịch vụ có liên quan tăng 0,17% so với quý trước và tăng 0,83% so với cùng kỳ năm trước; thủy sản khai thác, nuôi trồng tăng 1,18% so với quý trước và tăng 2,51% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm 2021, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,12% so với năm 2020, trong đó, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ có liên quan tăng 2,44%; lâm nghiệp và dịch vụ có liên quan tăng 0,55%; thủy sản khai thác, nuôi trồng tăng 1,33% (Bảng).

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp: Quý IV/2021, chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp tăng 0,71% so với quý trước và tăng 4,33% so với cùng kỳ

năm trước, trong đó: Chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng tăng 4,35% so với quý trước và tăng 23,9% so với cùng kỳ năm trước; sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,82% so với quý trước và tăng 4,01% so với cùng kỳ năm trước; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 1,84% so với quý trước và tăng 0,67% so với cùng kỳ năm trước; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,37% so với quý trước và tăng 0,95% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm 2021, chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp tăng 2,91% so với năm 2020; trong đó, chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng tăng 15,4%; sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,63%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 1,16%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,45% (Bảng).

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ: Quý IV/2021, chỉ số giá sản xuất dịch vụ tăng 0,54% so với quý trước và tăng 1,24% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, chỉ số giá sản xuất dịch vụ của một số ngành, như sau: Dịch vụ vận tải, kho bãi tăng 1,79% so với quý trước và tăng 0,76% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 0,6% so với quý trước và tăng 2,04% so với cùng kỳ năm trước; thông tin và truyền thông tăng 0,01% so với quý trước và tăng 0,48% so với cùng kỳ năm trước; giáo dục và đào tạo tăng 0,44% so với quý trước và tăng 0,92% so với cùng kỳ năm trước; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tăng 0,44% so với quý trước và tăng 0,82% so với cùng kỳ năm trước; nghệ thuật vui chơi, giải trí tăng 0,05% so với quý trước và tăng 0,55% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm 2021, chỉ số giá sản xuất dịch vụ tăng 0,95% so với năm 2020, trong đó, dịch vụ vận tải, kho bãi tăng 0,11%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 1,2%; thông tin và truyền thông giảm 0,06%; giáo dục và đào tạo tăng 2,47%; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tăng 0,46%; nghệ thuật vui chơi, giải trí tăng 0,51% (Bảng).

GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Trong 6 tháng đầu năm 2022, thị trường hàng hóa thế giới tiếp tục có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng của các nhân tố kinh tế, chính trị. Kinh tế thế giới

BẢNG : CHỈ SỐ SẢN XUẤT NĂM 2019-2021

Đơn vị: %

	Quý IV-2021/ IV-2020	Năm 2021 so với năm 2020	Năm 2020 so với năm 2019
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	100,07	102,12	108,24
Nông nghiệp và dịch vụ có liên quan	99,26	102,44	111,87
Lâm nghiệp và dịch vụ có liên quan	100,83	100,55	99,81
Thủy sản khai thác, nuôi trồng	102,51	101,33	98,71
Công nghiệp	104,33	102,91	99,40
Khai khoáng	123,90	115,40	91,24
Công nghiệp chế biến, chế tạo	104,01	102,63	99,77
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	100,67	101,16	98,68
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	100,95	101,45	102,65
Dịch vụ	101,24	100,95	99,27
<i>Trong đó:</i>			
Vận tải kho bãi	100,76	100,11	94,79
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	102,04	101,20	100,80
Thông tin và truyền thông	100,48	99,94	96,76
Giáo dục và đào tạo	100,92	102,47	103,47
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	100,82	100,46	102,01
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	100,55	100,51	101,07

Nguồn: Tổng cục Thống kê

phục hồi, nhu cầu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất tăng cao trong khi nguồn cung bị đứt gãy khiến giá cả hàng hóa trên thị trường quốc tế có xu hướng tăng mạnh. Bên cạnh đó, cuộc chiến giữa Nga và Ukraina càng đẩy giá nguyên liệu, nhiên liệu tăng cao và thế giới có nguy cơ phải đối diện với một cuộc khủng hoảng lương thực toàn cầu. Lạm phát tại nhiều nước đạt mức kỷ lục trong tháng 5/2022, lạm phát của Mỹ tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước, cao nhất kể từ năm 1981, lạm phát của khu vực đồng EURO tăng 8,1%, gấp 4 lần lạm phát mục tiêu 2% của Ngân hàng Trung ương châu Âu. Tại châu Á, lạm phát tháng 5/2022 của Thái Lan tăng 7,1%; Hàn Quốc tăng 5,4%; Indonesia tăng 3,55%; Nhật Bản tăng 2,5%; Trung Quốc tăng 2,1%.

Còn trong nước, kinh tế phục hồi mạnh, nhu cầu sản xuất hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu cùng với tác động của giá hàng hóa thế giới đã đẩy giá hàng hóa và dịch vụ thiết yếu tăng lên nhưng nhìn chung, mặt bằng giá cơ bản được kiểm soát tốt. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm nay tăng 2,44% so với cùng kỳ năm trước. Để chủ động ứng phó với những thách thức trước áp lực lạm phát gia tăng, trong thời gian qua Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp bình ổn giá, hạn chế những tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội. Các chính sách được ban hành kịp thời giúp ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân, giảm áp lực đáng kể lên mặt bằng giá, như: giảm thuế giá trị gia tăng với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ

từ 10% xuống 8% từ ngày 01/02/2022; giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022; giảm mức thu 37 khoản phí, lệ phí trong 6 tháng đầu năm 2022; giảm 50% thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu từ ngày 01/4/2022.

Đến nay, mặt bằng giá trong nước vẫn cơ bản được kiểm soát nhưng áp lực lạm phát trong những tháng còn lại của năm khá lớn. Diễn biến giá cả hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu trên thế giới đang tiếp tục tăng mạnh trong bối cảnh chiến sự Nga - Ukraina còn phức tạp gây gián đoạn chuỗi cung ứng, đặc biệt là giá xăng dầu tạo áp lực lớn đến chi phí sản xuất của doanh nghiệp và tiêu dùng của người dân. Cùng với tác động của các gói hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng, kinh tế Việt Nam có khả năng phục hồi mạnh hơn trong các tháng còn lại của năm, nhu cầu tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ tăng sẽ đẩy giá cả hàng hóa lên cao. Chính vì vậy, công tác quản lý, điều hành giá trong thời gian tới cần tiếp tục thực hiện một cách thận trọng, chủ động và linh hoạt nhằm bảo đảm kiểm soát tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2022 ở mức khoảng 4% theo mục tiêu Quốc hội đề ra. Để kiểm soát được CPI cũng như kiểm soát lạm phát có thể phát sinh, Việt Nam cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương theo dõi chặt chẽ diễn biến giá cả, lạm phát trên thế giới, kịp thời cảnh báo các nguy cơ ảnh hưởng đến giá cả, lạm phát của Việt Nam. Đặc biệt, cần đánh giá, nhận định các mặt hàng, nguyên vật liệu nào có khả năng thiếu hụt tạm thời hay trong dài hạn để từ đó đưa ra được chính sách phù hợp.

Thứ hai, đối với các mặt hàng do Nhà nước quản lý, nên tận dụng các tháng có CPI tăng thấp để điều chỉnh giá các mặt hàng nhằm hạn chế lạm phát kỳ vọng. Việc điều chỉnh giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý không nên dồn vào các tháng cuối năm, do các tháng cuối năm thường có nhu cầu tiêu dùng cao, nếu CPI liên tục tăng cao sẽ tạo ra lạm phát kỳ vọng rất lớn và số liệu CPI so cùng kỳ sẽ cao, tạo áp lực điều hành lạm phát cho năm sau.

Thứ ba, giá cả nguyên liệu trên thế giới sẽ tiếp tục tăng trong tương lai. Do đó, Chính phủ cần nỗ lực thực hiện các biện pháp ngoại giao để đảm bảo nguồn nguyên liệu thô thông qua tăng cường hợp tác với chính phủ các nước giàu tài nguyên, hỗ trợ các doanh nghiệp ký hợp đồng nhập khẩu nguyên liệu dài hạn, đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào, ổn định giá thành sản xuất để kiểm soát lạm phát.

Thứ tư, tiếp tục chủ động vào cuộc, theo dõi sát diễn biến giá cả thị trường để sẵn sàng các biện pháp ứng phó; kiểm soát chặt chẽ giá các mặt hàng thiết yếu (xăng dầu, khí hóa lỏng; thép xây dựng, xi măng; dịch vụ vận tải; thức ăn chăn nuôi, thịt lợn, gạo; vật tư trang thiết bị y tế...) theo đúng quy định của pháp luật về giá.

Thứ năm, tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về giá; tăng cường tuần tra, kiểm soát, ngăn chặn tình trạng xuất nhập hàng hóa trái phép qua biên giới. Công khai các trường hợp vi phạm trên phương tiện thông tin đại chúng...

Thứ sáu, chú trọng phát triển kinh tế số - xã hội số; cải thiện mạnh mẽ, thực chất môi trường đầu tư - kinh doanh; nâng cao hiệu quả cơ cấu lại nền kinh tế, qua đó, góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế, từ đó, giảm áp lực lạm phát trong trung - dài hạn.

Thứ bảy, cơ quan báo chí, truyền thông tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về công tác điều hành giá đối với các mặt hàng thiết yếu để người dân hiểu, đồng thuận, không gây nhiều loại thị trường, tạo nên những hiệu ứng không đáng có. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục Thống kê (2021a). *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý IV và năm 2021*
2. Thùy Dương (2022). *Chuyên gia dự báo về kịch bản tăng giá hàng hóa 6 tháng cuối năm*, truy cập từ <https://www.vietnamplus.vn/chuyen-gia-du-bao-ve-kich-ban-tang-gia-hang-hoa-6-thang-cuoi-nam/803114.vnp>
3. Tổng cục Thống kê (2020). *Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá USD tháng 12/2020*, truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/12/chi-so-gia-tieu-dung-chi-so-gia-vang-va-chi-so-gia-do-la-my-thang-12-nam-2020/>
4. Tổng cục Thống kê (2021b). *Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá USD tháng 12/2021*, truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/12/chi-so-gia-tieu-dung-chi-so-gia-vang-va-chi-so-gia-do-la-my-thang-12-nam-2021/>
5. Tổng cục Thống kê (2022). *Tình hình giá tháng 6, quý II và 6 tháng đầu năm 2022*, truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/06/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-gia-thang-6-quy-ii-va-6-thang-dau-nam-2022>